

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

UBND huyện Tân Biên kính trình Thường trực HĐND và Đại biểu HĐND huyện thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 như sau:

**1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022:** 170.890 triệu đồng (Một trăm bảy mươi tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng).

**2. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2022:** 389.740 triệu đồng (Ba trăm tám mươi chín tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng).

a. Thu ngân sách được hưởng (thu 100% và điều tiết): 246.010 triệu đồng.

b. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 143.730 triệu đồng:

- *Bổ sung cân đối ngân sách:* 143.020 triệu đồng.

- *Bổ sung có mục tiêu:* 710 triệu đồng.

**3. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022:** 389.740 triệu đồng (Ba trăm tám mươi chín tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng), gồm:

a. Chi đầu tư phát triển: 47.030 triệu đồng.

b. Chi thường xuyên: 334.929 triệu đồng, trong đó:

- *Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo:* 173.320 triệu đồng.

- *Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:* 130 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp môi trường: 3.630 triệu đồng.

c. Dự phòng ngân sách: 7.781 triệu đồng

(Kèm theo các Biểu mẫu số 15, 16, 17)

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết nghị. *SV*

Nơi nhận: *SV*

- TT.HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- Lưu VT, VP.HĐND và UBND huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Nghĩa**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>336.751</b>	<b>631.002</b>	<b>389.740</b>	<b>(241.262)</b>	<b>61,8%</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>172.440</b>	<b>219.848</b>	<b>246.010</b>	<b>26.162</b>	<b>111,9%</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	47.103	25.250	39.860	14.610	157,9%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	125.337	194.598	206.150	11.552	105,9%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>164.311</b>	<b>353.272</b>	<b>143.730</b>	<b>(209.542)</b>	<b>40,7%</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	145.010	145.010	143.020	(1.990)	98,6%
2	Thu bổ sung nguồn thực hiện tiền lương	3.171	3.171	-	(3.171)	0,0%
3	Thu bổ sung có mục tiêu	16.130	205.091	710	(204.381)	0,3%
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>3.111</b>			
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>54.771</b>		<b>(54.771)</b>	<b>0,0%</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>372.851</b>	<b>631.002</b>	<b>389.740</b>	<b>16.889</b>	<b>61,8%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	45.820	231.191	47.030	1.210	20,3%
2	Chi thường xuyên	317.430	374.505	334.929	17.499	89,4%
4	Dự phòng ngân sách	7.070		7.781	711	0,0%
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.531			(2.531)	0,0%
6	Chi chuyển trả ngân sách cấp trên		2.538			
7	Chi chuyển nguồn qua năm sau		22.768		-	0,0%

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>170.890</b>	<b>165.890</b>
	<b>Thu nội địa</b>	<b>170.890</b>	<b>165.890</b>
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	89.000	89.000
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	82.680	82.680
+	<i>Hộ cá thể</i>	4.880	4.880
+	<i>Doanh nghiệp</i>	77.800	77.800
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	4.580	4.580
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	120	120
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	1.620	1.620
2	Thuế thu nhập cá nhân	26.000	26.000
3	Lệ phí trước bạ	11.500	11.500
4	Thu phí, lệ phí	3.300	3.300
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>	1.700	1.700
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	1.600	1.600
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	100
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.100	1.100
7	Thu tiền sử dụng đất	29.700	29.700
8	Thu khác ngân sách	10.000	5.000
9	Thu khác tại xã	190	190

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>372.851</b>	<b>389.740</b>	<b>16.889</b>	<b>104,5%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>45.820</b>	<b>47.030</b>	<b>1.210</b>	<b>102,6%</b>
-	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	21.120	16.930	(4.190)	80,2%
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	18.900	23.760	4.860	125,7%
-	Chi đầu tư tạo lập quỹ đất	5.400	5.940	540	110,0%
-	Vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách	400	400	-	100,0%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>317.430</b>	<b>334.929</b>	<b>17.499</b>	<b>105,5%</b>
	Trong đó:			-	0,0%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	155.446	173.320	17.874	111,5%
2	Chi khoa học và công nghệ	130	130	-	100,0%
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>7.070</b>	<b>7.781</b>	<b>711</b>	<b>110,1%</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>2.531</b>		<b>(2.531)</b>	<b>0,0%</b>